

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 (ĐẾN 31/03/2022)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Dự án	Kế hoạch năm 2022	Giải ngân đến 31/03/2022	Thực hiện giải ngân/kế hoạch (%)
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5=4/3</b>
<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>		<b>4.305.185</b>	<b>748.831</b>	<b>17,39</b>
<b>A</b>	<b>TỈNH QUẢN LÝ</b>	<b>2.331.949</b>	<b>424.888</b>	<b>18,22</b>
<b>1</b>	<b>Sở Nông nghiệp và PTNT Tây Ninh</b>	<b>162.500</b>	<b>31.711</b>	<b>19,51</b>
	<i>Thực hiện dự án</i>	162.500	31.711	19,51
1.1	Hệ thống tưới tiêu phía tây sông Vàm cỏ Đông (giai đoạn 1)	162.500	31.711	19,51
<b>2</b>	<b>Sở Tài nguyên &amp; Môi trường</b>	<b>29.600</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	30	0	0,00
2.1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường	30	0	0,00
	<i>Thực hiện dự án</i>	29.570	0	0,00
2.2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (VILG)	26.670	0	0,00
2.3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường	2.900	0	0,00
<b>3</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>	<b>42.800</b>	<b>21.859</b>	<b>51,07</b>
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	300	0	0,00
3.1	Xây dựng hệ thống Truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	150	0	0,00
3.2	Xây dựng kho dữ liệu dùng chung tập trung của tỉnh (data Warehouse)	150	0	0,00
	<i>Thực hiện dự án</i>	42.500	21.859	51,43
3.3	Bổ sung, nâng cấp hệ thống giám sát an toàn thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu và Trung tâm giám sát điều hành tập trung của tỉnh	500	0	0,00
3.4	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh phục vụ xây dựng Chính quyền số đến năm 2025	15.000	14.800	98,67
3.5	Nâng cấp hoàn thiện các giải pháp chính quyền điện tử để hướng tới Chính quyền số	12.000	7.059	58,83
3.6	Trang bị hệ thống Camera giám sát an ninh trật tự tập trung	15.000	0	0,00
<b>4</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>5.800</b>	<b>415</b>	<b>7,16</b>
	<i>Thực hiện dự án</i>	5.800	415	7,16
4.1	Khu in sao đề thi THPT Quốc gia	5.800	415	7,16
<b>5</b>	<b>Sở Y tế</b>	<b>5.000</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	<i>Thực hiện dự án</i>	5.000	0	0,00
5.1	Dự án thiết lập hệ thống bệnh án điện tử	5.000	0	0,00
<b>6</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	<b>29.500</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	<i>Thực hiện dự án</i>	29.500	0	0,00

STT	Dự án	Kế hoạch năm 2022	Giải ngân đến 31/03/2022	Thực hiện giải ngân/kế hoạch (%)
6.1	Lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	29.500	0	0,00
<b>7</b>	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>10.000</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	<i>Thực hiện dự án</i>	10.000	0	0,00
7.1	Hệ thống số hóa, quản lý và khai thác dữ liệu số	10.000	0	0,00
<b>8</b>	<b>Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh</b>	<b>16.100</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	100	0	0,00
8.1	Kênh thoát nước Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	100	0	0,00
	<i>Thực hiện dự án</i>	16.000	0	0,00
8.2	Đường ĐT.6A Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	15.000	0	0,00
8.3	Đầu tư các dự án thuộc khu kinh tế cửa khẩu Mộc bài	1.000	0	0,00
<b>9</b>	<b>BQLDA ĐTXD Giao thông</b>	<b>985.846</b>	<b>223.873</b>	<b>22,71</b>
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	6.300	0	0,00
9.1	Đường Trường Hòa - Chà Là (từ Nguyễn Văn Linh đến ĐT 784)	1.000	0	0,00
9.2	Tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng - Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài đoạn qua địa phận tỉnh Tây Ninh	5.000	0	0,00
9.3	Ngầm hóa đường CMT8 từ cầu Quan đến đường Điện Biên Phủ	300	0	0,00
	<i>Thực hiện dự án</i>	979.546	223.873	22,85
9.4	Nâng cấp, mở rộng ĐT 782 - ĐT 784 (từ ngã ba tuyến tránh QL22B đến ngã tư Tân Bình)	129.200	1.351	1,05
9.5	Đường Đất Sét -Bến Củi	115.000	600	0,52
9.6	Cầu An Hòa	34.300	500	1,46
9.7	Đường Trần Phú (đoạn từ cửa số 7 nội ô Tòa Thánh đến QL22B)	20.000	500	2,50
9.8	Nâng cấp, mở rộng ĐT.793-ĐT.792 (đoạn từ ngã tư Tân Bình đến cửa khẩu Chàng Riệc)	20.000	12.429	62,15
9.9	Đường ĐT.794 đoạn từ ngã ba Cà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 2)	85.000	361	0,42
9.10	Nâng cấp mở rộng ĐT.795	118.046	11.263	9,54
9.11	Đường liên tuyến kết nối vùng N8-787B-789	420.000	196.869	46,87
9.12	Tiểu dự án đường mòn Bàu Tà On (thuộc dự án Đường ra cửa khẩu Biên Mậu)	20.000	0	0,00
9.13	Tiểu dự án đường vào cầu Ông Sãi (thuộc dự án Đường ra cửa khẩu Biên Mậu)	18.000	0	0,00
<b>10</b>	<b>BQLDA ĐTXD Nông nghiệp và PTNT Tây Ninh</b>	<b>54.820</b>	<b>11.280</b>	<b>20,58</b>
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	2.420	0	0,00
10.1	Nạo vét rạch Gò Suối	80	0	0,00
10.2	Trạm bơm Tân Long	2.000	0	0,00
10.3	Nạo vét kênh địa xù từ cầu Địa Xù đến giáp rạch Vàm Bảo	50	0	0,00

STT	Dự án	Kế hoạch năm 2022	Giải ngân đến 31/03/2022	Thực hiện giải ngân/kế hoạch (%)
10.4	Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông giai đoạn 2 (kiên cố hóa kênh chính, kênh cấp 1, 2, 3 và kênh tiêu)	50	0	0,00
10.5	Xây dựng nhà trạm BVR - Đội QLBV&PTR	50	0	0,00
10.6	Sửa chữa, xây mới một số hạng mục trại giống, cây giống	30	0	0,00
10.7	Kênh tiêu suối Nước Đục	80	0	0,00
10.8	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Thanh Lợi, Thanh Bình, Tân Biên	30	0	0,00
10.9	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Tân Trung, Tân Bình, TP Tây Ninh	50	0	0,00
	<b>Thực hiện dự án</b>	52.400	11.280	21,53
10.10	Kênh tiêu T12 - 17	10.000	844	8,44
10.11	Làm mới và gia cố Kênh TN19-1 đoạn từ K1+299 đến K1+629 và bổ sung cống điều tiết tự tràn tại K1+299	1.100	321	29,14
10.12	Làm mới Cống tiêu luôn K19+800 kênh chính Tân Hưng	4.000	1.500	37,50
10.13	Xây mới tháp canh lửa - BQL Dầu Tiếng	1.600	100	6,25
10.14	Nâng cấp HTCN Khu dân cư Cầu Sài Gòn 2, Tân Hòa, Tân Châu	4.500	2.001	44,47
10.15	Nâng cấp hệ thống cấp nước Khu dân cư Chàng Riệc	2.000	1.381	69,05
10.16	Nạo vét kênh tiêu Biên Giới	1.000	266	26,63
10.17	Kênh tiêu Suối Bàu Rong Gia Bình	2.000	140	7,01
10.19	Kênh tiêu Suối Ông Hùng	1.300	255	19,61
10.20	Gia cố kênh TN17 đoạn từ K1+900 đến K2+500 (L=600m)	2.000	141	7,03
10.21	Gia cố kênh N8 đoạn từ K5+855 - K7+753	2.000	161	8,03
10.22	Gia cố kênh TN17 đoạn từ K0 đến K0+850 (L=850m)	5.000	302	6,04
10.23	Gia cố kênh N20 đoạn từ K4-K5+300	2.000	224	11,22
10.24	Xây mới chòi canh lửa - Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát	700	109	15,57
10.25	Sửa chữa đội, chốt bảo vệ rừng - BQL Chàng Riệc	700	0	0,00
10.26	Xây dựng nhà Trạm bảo vệ rừng VQG Lò Gò - Xa Mát	1.300	0	0,00
10.27	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Tân Đông, Tân Thành, Tân Châu	1.500	97	6,45
10.28	Mở rộng khu vực cấp nước xã Tân Hòa	5.000	684	13,68
10.29	Sửa chữa mở rộng nhà làm việc BQL dự án ngành Nông nghiệp và Trung tâm nước sạch VSMT	1.500	106	7,07
<b>11</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD tỉnh Tây Ninh</b>	<b>202.796</b>	<b>24.910</b>	<b>12,28</b>
	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	1.800	0	0,00
11.1	Xây dựng cửa khẩu quốc tế Tân Nam	200	0	0,00
11.2	Xây dựng cửa khẩu chính Phước Tân	200	0	0,00
11.3	Trường THPT Nguyễn Huệ	100	0	0,00

STT	Dự án	Kế hoạch năm 2022	Giải ngân đến 31/03/2022	Thực hiện giải ngân/kế hoạch (%)
11.4	Trung tâm huấn luyện và Thi đấu thể thao (GD2)	200	0	0,00
11.5	Trường Cao đẳng sư phạm Tây Ninh	100	0	0,00
11.6	Trường phổ thông dân tộc nội trú Tây Ninh	100	0	0,00
11.7	Trường THPT Lương Thế Vinh	100	0	0,00
11.8	TRường THPT Lê Hồng Phong	100	0	0,00
11.9	Trường THPT Dương Minh Châu (cơ sở 2)	100	0	0,00
11.10	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	100	0	0,00
11.11	Sửa chữa trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Tây Ninh	100	0	0,00
11.12	Hệ thống xử lý nước thải đô thị Hòa Thành giai đoạn 2	100	0	0,00
11.13	Hệ thống xử lý nước thải thị trấn Châu Thành giai đoạn 2	100	0	0,00
11.14	Chống ngập điểm ngập 140 ha tại phường Ninh Thạnh	100	0	0,00
11.15	Cải tạo, sửa chữa Nhà ở công vụ tỉnh Tây Ninh	100	0	0,00
	<b>Thực hiện dự án</b>	200.996	24.910	12,39
11.16	Trường THPT Lý Thường Kiệt	1.400	1.263	90,20
11.17	Trường THPT Tân Châu	6.700	1.598	23,86
11.18	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	1.000	1.000	100,00
11.19	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	2.000	559	27,93
11.20	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh (giai đoạn 2)	15.000	1.950	13,00
11.21	Xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	27.000	400	1,48
11.22	Nâng cấp bệnh viện Lao và Bệnh viện Phổi	6.000	370	6,17
11.23	Nâng cấp Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	3.700	320	8,65
11.24	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị Hòa Thành - giai đoạn 1	60.000	3.343	5,57
11.25	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thị trấn Châu Thành - giai đoạn 1	20.000	1.104	5,52
11.26	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh-Chi nhánh huyện Bến Cầu	900	80	8,87
11.27	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh-Chi nhánh huyện Tân Biên	400	73	18,18
11.28	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh-Chi nhánh huyện Trảng Bàng	1.000	169	16,91
11.29	Cải tạo Trung tâm học tập sinh hoạt Thanh thiếu nhi	2.900	1.332	45,94
11.30	Trường THPT Tân Hưng	2.000	783	39,16
11.31	Trường THPT Trần Phú	6.000	2	0,03
11.32	Di tích lịch sử Căn cứ Dương Minh Châu, xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu	10.000	355	3,55

STT	Dự án	Kế hoạch năm 2022	Giải ngân đến 31/03/2022	Thực hiện giải ngân/kế hoạch (%)
11.33	Sửa chữa trụ sở làm việc sở Tư pháp	2.000	523	26,15
11.34	Trường THPT Tân Đông	3.000	1.298	43,28
11.35	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tây Ninh (giai đoạn 3)	5.800	320	5,52
11.36	Trường Trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa	2.014	1.928	95,75
11.37	Địa điểm lưu niệm Vành đai diệt Mỹ - Trảng Lớn	2.000	2.000	100,00
11.38	Trường Khuyết tật Tây Ninh	4.000	2.085	52,14
11.39	Chống ngập điểm ngập 140 ha tại phường Ninh Thạnh	3.000	0	0,00
11.40	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm y tế dự phòng	1.392	1.392	99,98
11.41	Trường THPT Tây Ninh	224	224	99,85
11.42	Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha	466	162	34,67
11.43	Trường THPT Quang Trung (cơ sở 2)	4.000	277	6,92
11.44	Xây mới Trụ sở làm việc Hội liên Hiệp Phụ nữ tỉnh Tây Ninh	4.000	0	0,00
11.45	Cải tạo, sửa chữa Nhà ở công vụ tỉnh Tây Ninh	3.100	0	0,00
<b>12</b>	<b>Ban QLDA GMS</b>	<b>115.323</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	<i>Thực hiện dự án</i>	115.323	0	0,00
12.1	Dự án Phát triển các đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kong mở rộng tại Mộc Bài - Tỉnh Tây Ninh	115.323	0	0,00
<b>13</b>	<b>Công an tỉnh</b>	<b>68.600</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	600	0	0,00
13.1	Đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện Tân Châu	300	0	0,00
13.2	Mở rộng trụ sở làm việc Công an huyện Châu Thành	300	0	0,00
	<i>Thực hiện dự án</i>	68.000	0	0,00
13.3	Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Tây Ninh	30.000	0	0,00
13.4	Mở rộng trụ sở làm việc Công an thị xã Trảng Bàng	17.500	0	0,00
13.5	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát hình sự thuộc Công an tỉnh Tây Ninh	7.500	0	0,00
13.6	Cải tạo sửa chữa Trạm Công an kiểm soát xuất nhập cảnh cửa khẩu Xa Mát	2.700	0	0,00
13.7	Cải tạo sửa chữa Trạm quản lý xuất nhập cảnh cửa khẩu Mộc Bài	800	0	0,00
13.8	Đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện Gò Dầu	9.500	0	0,00
<b>14</b>	<b>Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh</b>	<b>13.785</b>	<b>1.401</b>	<b>10,16</b>
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	2.485	1.394	56,08
14.1	Xây dựng doanh trại và thao trường huấn luyện Trung đoàn bộ binh 174 (giai đoạn 1)	1.460	933	63,87
14.2	Xây dựng doanh trại Đại đội Thiết giáp/Phòng tham mưu	300	275	91,59

STT	Dự án	Kế hoạch năm 2022	Giải ngân đến 31/03/2022	Thực hiện giải ngân/kế hoạch (%)
14.3	Xây dựng hàng rào bảo vệ khu đất dự phòng Bộ CHQS tỉnh Tây Ninh	120	0	0,00
14.4	Xây dựng hàng rào bảo vệ doanh trại Trung đoàn 174 (Trường quân sự cũ)	165	5	3,06
14.5	Xây dựng Hội trường 300 chỗ Bộ CHQS tỉnh	440	181	41,19
	<b>Thực hiện dự án</b>	11.300	7	0,06
14.6	Mua sắm trang thiết bị sinh hoạt, làm việc Đại đội bộ binh 61/Bến Cầu	1.700	0	0,00
14.7	Mua sắm trang thiết bị sinh hoạt, làm việc Đại đội bộ binh 105/Tân Biên	1.700	0	0,00
14.8	Mua sắm trang thiết bị sinh hoạt, làm việc Đại đội bộ binh 1/Tân Châu	1.700	0	0,00
14.9	Sửa chữa, thay thiết bị điện sinh hoạt doanh trại Tiểu đoàn BB14	700	0	0,00
14.10	Xây dựng kho vật chất phòng chống lụt bão/Bộ CHQS tỉnh	3.400	7	0,21
14.11	Xây dựng mới hàng rào bảo vệ doanh trại Tiểu đoàn BB14/eBB174	2.100	0	0,00
<b>15</b>	<b>Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh</b>	<b>90.300</b>	<b>10.358</b>	<b>11,47</b>
	<b>Thực hiện dự án</b>	90.300	10.358	11,47
15.1	Lắp đặt hệ thống camera giám sát công nghệ cao tại các cửa khẩu	26.300	0	0,00
15.2	Đồn biên phòng cửa khẩu Phước Tân (843)	14.000	0	0,00
15.3	Đường vào Đồn Biên phòng Suối Lam	50.000	10.358	20,72
<b>16</b>	<b>Chi cục Kiểm lâm</b>	<b>1.800</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	<b>Thực hiện dự án</b>	<b>1.800</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
16.1	Trồng cây phân tán tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025	1.800	0	0,00
<b>17</b>	<b>Văn phòng UBND tỉnh</b>	<b>1.600</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	100	0	0,00
17.1	Đầu tư thay mới hệ thống máy lạnh – Trụ sở UBND tỉnh Tây	100	0	0,00
	<b>Thực hiện dự án</b>	1.500	0	0,00
17.2	Đầu tư thay mới hệ thống máy lạnh – Trụ sở UBND tỉnh Tây Ninh	1.500	0	0,00
<b>18</b>	<b>Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh</b>	<b>10.000</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	<b>Thực hiện dự án</b>	10.000	0	0,00
18.1	Thiết bị phim trường 300 chỗ giai đoạn 1	10.000	0	0,00
<b>19</b>	<b>UBND Thành phố</b>	<b>44.580</b>	<b>1.000</b>	<b>2,24</b>
	<b>Thực hiện dự án</b>	44.580	1.000	2,24
19.1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Tây Ninh	44.580	1.000	2,24
<b>20</b>	<b>UBND huyện Tân Biên</b>	<b>5.000</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	<b>Thực hiện dự án</b>	5.000	0	0,00

STT	Dự án	Kế hoạch năm 2022	Giải ngân đến 31/03/2022	Thực hiện giải ngân/kế hoạch (%)
20.1	Dự án hỗ trợ đầu tư phát triển rừng sản xuất huyện Tân Biên giai đoạn 2020-2025 (thuộc Đề án quản lý, phát triển rừng sản xuất tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030)	5.000	0	0,00
<b>21</b>	<b>BQL DABTXD Thành phố Tây Ninh</b>	<b>35.500</b>	<b>10.761</b>	<b>30,31</b>
	<i>Thực hiện dự án</i>	35.500	10.761	30,31
21.1	Nâng cấp, mở rộng Đường Huỳnh Tấn Phát	35.500	10.761	30,31
<b>22</b>	<b>BQL DABTXD huyện Châu Thành</b>	<b>35.570</b>	<b>3.020</b>	<b>8,49</b>
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	170	159	93,47
22.1	Địa điểm lưu niệm Trường Nội trú Hoàng Lê Kha	170	159	93,47
	<i>Thực hiện dự án</i>	35.400	2.861	8,08
22.2	Nâng cấp khoa khám - cấp cứu - Trung tâm y tế huyện Châu Thành	2.900	26	0,91
22.3	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện, khán đài 500 chỗ ngồi, sân bóng đá, đường chạy điền kinh và các hạng mục phụ trợ	6.500	0	0,00
22.4	Nâng cấp, mở rộng đường từ Huyện đội – Ngã 3 Sọ - Đường huyện 3 - Đường huyện 4	22.700	2.834	12,49
22.5	Địa điểm lưu niệm Trường Nội trú Hoàng Lê Kha	3.300	0	0,00
<b>23</b>	<b>BQL DABTXD huyện Tân Châu</b>	<b>13.000</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	<i>Thực hiện dự án</i>	13.000	0	0,00
23.1	Đường ĐH.803 - Tân Hòa (lộ 244)	13.000	0	0,00
<b>24</b>	<b>BQL DABTXD huyện Dương Minh Châu</b>	<b>16.720</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	720	0	0,00
24.1	Hệ thống thu gom nước thải và vỉa hè Khu phố 3, Khu phố 4 thị trấn Dương Minh Châu	720	0	0,00
	<i>Thực hiện dự án</i>	16.000	0	0,00
24.2	Xây dựng khoa kiểm soát bệnh tật - Trung tâm y tế huyện Dương Minh Châu	6.000	0	0,00
24.3	Đường ĐH 9 giai đoạn 2	10.000	0	0,00
<b>25</b>	<b>BQL DABTXD huyện Gò Dầu</b>	<b>38.000</b>	<b>16.943</b>	<b>44,59</b>
	<i>Thực hiện dự án</i>	38.000	16.943	44,59
25.1	Nâng cấp, mở rộng đường Cẩm An - Láng Cát	18.000	16.943	94,13
25.2	Bê tông nhựa các tuyến đường thị trấn Gò Dầu (Đường Hùng Vương, Dương Văn Nốt, Trường Chinh, Lê Trọng Tấn, và các tuyến nhánh)	20.000	0	0,00
<b>26</b>	<b>BQL DABTXD Thị xã Trảng Bàng</b>	<b>17.100</b>	<b>5.098</b>	<b>29,81</b>
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	2.800	112	4,02
26.1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000m3/ngày đêm - giai đoạn 2	2.200	0	0,00
26.2	Dự án chống ngập và phát triển hạ tầng kỹ thuật thị xã Trảng Bàng giai đoạn 1	600	112	18,75
	<i>Thực hiện dự án</i>	14.300	4.985	34,86
26.3	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000 m3/ngày - giai đoạn 1	14.300	4.985	34,86

STT	Dự án	Kế hoạch năm 2022	Giải ngân đến 31/03/2022	Thực hiện giải ngân/kế hoạch (%)
27	BQL DAĐTXD huyện Bến Cầu	2.500	164	6,56
	<i>Thực hiện dự án</i>	2.500	164	6,56
27.1	Thành Bảo Long Giang	2.500	164	6,56
28	BQL DAĐTXD Thị xã Hòa Thành	29.290	2.095	7,15
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	2.290	0	0,00
28.1	Hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh - giai đoạn 2	100	0	0,00
28.2	Mở rộng và Hệ thống thoát nước đường Tôn Đức Thắng (từ đường Thượng Thâu Thanh đến QL22B)	2.190	0	0,00
	<i>Thực hiện dự án</i>	27.000	2.095	7,76
28.3	Hệ thống thoát nước đường Nguyễn Văn Cừ đến Quốc lộ 22B, Rạch Sevil	12.500	2.095	16,76
28.4	Hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh - giai đoạn 2	14.500	0	0,00
29	Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi xuất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã	192.620	60.000	31,15
29.1	Hỗ trợ cho các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 57/2018/NĐCP ngày 17/4/2018	5.000	0	0,00
29.2	Chi tạo lập Quỹ Phát triển đất	105.120	0	0,00
29.3	Chi bổ sung Quỹ Đầu tư Phát triển	30.000	30.000	100,00
29.4	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội	30.000	30.000	100,00
29.5	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025	5.000	0	0,00
29.6	Hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020	5.000	0	0,00
29.7	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ	5.000	0	0,00
29.8	Chi trả nợ gốc và lãi vay	7.500	0	0,00
30	Chưa phân khai	55.899	0	0,00
	<i>Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương</i>	55.899	0	0,00
	<i>Nguồn ngân sách địa phương</i>	40.500	0	0,00
	<i>Thanh toán khối lượng đã và đang thực hiện</i>	15.399	0	0,00
B	HUYỆN QUẢN LÝ	1.973.236	323.943	16,41
1	KẾ HOẠCH GIAO NĂM 2021	1.833.880	323.797	17,66
2	VỐN BỔ SUNG NGOÀI KẾ HOẠCH ĐƯỢC GIAO	139.205	0	0,00
3	VỐN KÉO DÀI 2020 SANG 2021	151	147	0,00